

|airsti

ĐỈNH CAO CỦA SỰ THOẢI MÁI

Tính năng:



Làm lạnh dễ chịu
Luồng gió nhẹ nhàng
với 7.928 lỗ siêu nhỏ



Làm lạnh
nhanh chóng



Làm lạnh 360°
Cửa thoát gió 3 hướng
mang tính đột phá



Vận hành
yên tĩnh



Chế độ ECO



Điều khiển
thông minh



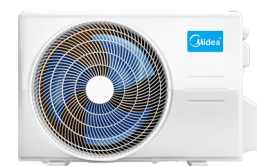
Lưới lọc
bụi HD



I-Clean



Điều chỉnh
tốc độ quạt





Êm dịu

Công nghệ khuếch tán không khí hoàn toàn mới



Cánh đảo gió kép

Đầu tiên trên thế giới với nhiều lỗ li ti

Không còn những đợt gió lạnh lẽo. Với một cánh trong và một cánh ngoài, người dùng có thể chọn luồng gió êm dịu như mong muốn. Bộ điều hướng, chuyển hướng và phân tán luồng khí lạnh, cho phép đa dạng mức độ êm dịu của việc làm lạnh.

Ma trận lỗ li ti

1,345+6,583=7,928

CÁNH TRONG

CÁNH NGOÀI

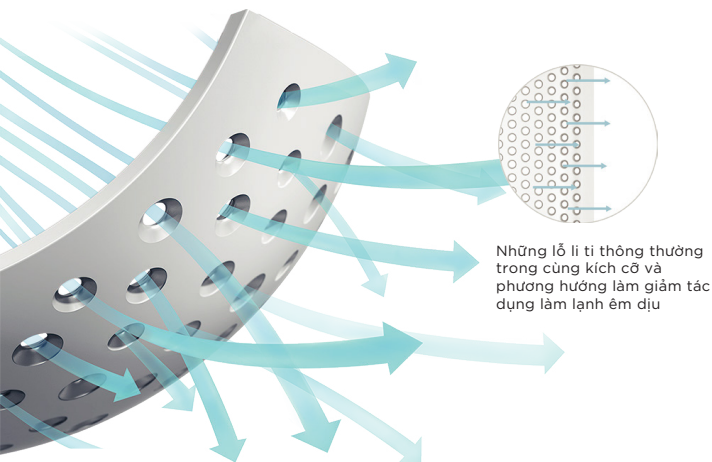
Tất cả 7.928 lỗ li ti trên hai cánh điều hướng được thiết kế để không khí đang lưu thông thành hàng ngàn dãy khí lạnh di chuyển theo tất cả các hướng. Ma trận làm dịu luồng khí vừa đủ để người dùng có thể cảm nhận được.



Thiết kế đồng hồ cát

Đa nhiệm

Mỗi lỗ li ti có cấu trúc dạng đồng hồ cát làm phân tán và trộn khí lạnh đi qua cánh kép bằng cách điều hòa áp suất và sau đó hạ áp suất. Mỗi lỗ li ti ở những phương hướng và kích cỡ khác nhau, đảm bảo hiệu quả khuếch tán không khí bình thường, tránh tình trạng đọng nước trên bộ điều hướng.



Những lỗ li ti thông thường trong cùng kích cỡ và phương hướng làm giảm tác dụng làm lạnh êm dịu



Mặt cắt dạng đồng hồ cát

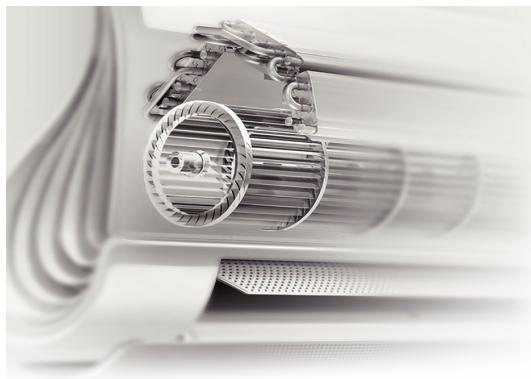


Điều hòa và hạ áp suất không khí

Tiết kiệm năng lượng

Vận hành ổn định, tiết kiệm điện tối ưu

Hiệu suất làm lạnh A+++ theo tiêu chuẩn Châu Âu. Chế độ iECO tiêu thụ năng lượng cực thấp trong 8 tiếng đêm. Nhờ vào điều khiển thuật toán thông minh từ vi mạch của bộ đảo pha, máy điều hòa AirStill có thể làm việc một cách ổn định ở tần suất cực thấp lên đến 8 giờ. Với tỷ lệ SEER cao tới 8.5, bạn có thể yên tâm với hiệu suất năng lượng tuyệt vời của hệ thống giữ khí.



Đạt hiệu suất năng lượng CSPF Việt Nam: 7.06

Tỷ lệ SEER	Tỷ lệ SCOP	Mức hiệu suất làm lạnh	Mức hiệu suất làm nóng
8.5	4.0	A+++	A+

Thiết kế dạng cánh hình chữ S

Đột phá thiết kế, mát lạnh 360 độ

Nhờ vào thiết kế cửa thổi gió dạng cánh hình chữ S ở cả hai bên, khí lạnh có thể được đưa vào không gian của bạn không chỉ từ phía trước, mà còn từ bên trái bên phải của máy điều hòa, làm lạnh 360 độ.



Gió thoát ra



Gió êm dịu



Giữ hơi lạnh



Tích hợp cảm ứng

Nâng tầm trải nghiệm

Bộ điều chỉnh tích hợp của các nếp trong máy điều hòa AirStill có thể cảm nhận và tạo gió linh động. Lựa chọn các chế độ luồng gió siêu nhẹ với bộ điều hướng linh động. Người dùng có thể tận hưởng sự mát mẻ trong môi trường giữ hơi lạnh không có gió thổi trực tiếp.



SAVING

Kiểm soát bằng
thuật toán
tiết kiệm năng lượng

Chọn chế độ iECO để tiêu thụ điện cực thấp suốt đêm với chỉ số SEER cao.



SMART

Các chức năng
thông minh
dựa trên ứng dụng

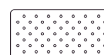
Ứng dụng MSmarthome giúp điều khiển thiết bị AirStill từ xa mọi lúc, mọi nơi.



SILENCE

Thiết kế
ống dẫn khí tối ưu

Vận hành siêu êm ái ở mức 21dB, mang lại cuộc sống tốt đẹp và giấc ngủ ngọt ngào hơn.



SENSE

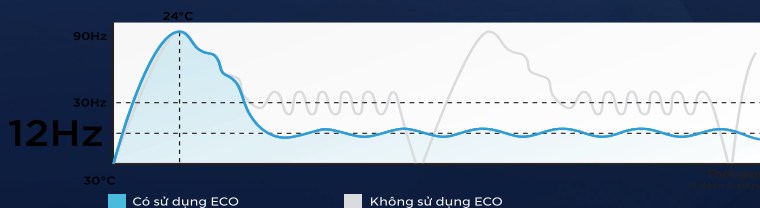
Thiết kế
cánh đảo gió kép

với nhiều chế độ điều khiển gió, thích ứng với nhu cầu của người dùng một cách nhạy bén nhất



Cho phép duy trì hoạt động
máy nén ở tốc độ cực thấp 12 Hz.

Cho phép máy nén hoạt động
cực kì ổn định (độ rung giảm tới 16 lần).



Thuật toán Điều khiển chính xác

Chế độ ECO đột phá của Midea sử dụng thuật toán điều khiển tự suy Inverter đời thứ 4 của Alpha Energy Chip cho phép con chip thực hiện nhận tín hiệu chuẩn xác hơn, xử lý dữ liệu chính xác, dự đoán và lập tức gửi chỉ dẫn đến máy nén.

Điều này giúp máy nén Inverter hoạt động hiệu quả hơn, tiết kiệm điện năng trong khi vẫn đảm bảo cho bạn cảm giác thoải mái và mát mẻ.

■ Thông số kỹ thuật

Treo tường inverter 2 chiều R32



Model			1HP	1.5HP
			MSMTIII-10HREFN8	MSMTIII-13HREFN8
Nguồn cấp	Dàn lạnh	V/Ph/Hz	220-230/1/50-60	220-230/1/50-60
	Dàn nóng	V/Ph/Hz	-	-
Công suất làm lạnh (1) Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW		2.9 (2.18 - 3.8)	3.6 (2.68 - 4.67)
	Btu/h		10000 (6000-12000)	12300 (7380-14760)
Công suất sưởi ấm (1) Định mức (Tối thiểu - Tối đa)	kW		2.9 (2.64 - 3.8)	2.1 (3.13-4.5)
	Btu/h		10000 (6000-12000)	11850 (7110-14220)
Dòng điện hoạt động	A		3.17 (1.46-4.76)	4.07 (1.88-6.10)
Công suất tiêu thụ	Làm lạnh	W	698 (322-1047)	895 (413-1342)
	Sưởi		771 (356-1157)	910 (420-1364)
Chỉ số hiệu quả năng lượng	EER (Làm lạnh)	W/W	4.2	4.03
	COP (Sưởi)	W/W	3.8	3.82
	CSPF*	Wh/Wh	7.06	6.69
Dàn lạnh				
Màu mặt nạ			Trắng	Trắng
Quạt	Lưu lượng gió	m³/h	640/520/400	640/520/400
	Tốc độ (cao/trung bình/thấp)	r/min	1050/870/780	1050/870/780
Độ ồn (cao/trung bình/thấp) (3)		dB(A)	40/35.5/28.5	40/35.5/28.5
Kích thước (rộng*dài*cao)		mm	940x193x325	940x193x325
Đóng gói (rộng*dài*cao)		mm	1055x385x290	1055x385x290
Trọng lượng tịnh/tổng		kg	10.7/13.8	10.7/13.8
Phạm vi hoạt động	Làm lạnh	°C	17~32	17~32
	Sưởi	°C	0~30	0~30
Dàn nóng				
Màu			-	-
Lưu lượng gió		m³/h	2200	2200
Máy nén	Loại		Rotary	Rotary
	Công suất động cơ	W	1930	1930
Loại môi chất lạnh	Loại		R32	R32
	Đã nạp	kg	0.71	0.71
Độ ồn (3)	Làm lạnh/ Sưởi ấm	dB(A)	55	55
	Chế độ yên tĩnh ban đêm	dB(A)	-	-
Kích thước (rộng*dài*cao)		mm	805x330x554	805x330x554
Đóng gói (rộng*dài*cao)		mm	915x370x615	915x370x615
Trọng lượng tịnh/tổng		kg	29.9/32.5	29.9/32.5
Phạm vi hoạt động	Làm lạnh	°C	0~50	0~50
	Sưởi	°C	-15~24	-15~24
Kết nối đường ống				
Ống lỏng / ống hơi (loe)		mm	6.35/9.52	6.35/9.52
Ống xả (dàn lạnh/dàn nóng)		mm	ODΦ16/ODΦ16	ODΦ16/ODΦ16
Chiều dài ống đồng tối đa nối các thiết bị		m	25	25
Chênh lệch độ cao tối đa trong lắp đặt		m	10	10
Hệ thống dây điện điều khiển			1.5x4	1.5x4

Lưu ý:

- Công suất định mức dựa trên các điều kiện sau:
 - Chiều dài đường ống kết nối 5m Chênh lệch độ cao lắp đặt bằng 0
 - Làm lạnh: Nhiệt độ trong nhà 27°CDB / 19 °CWB; Nhiệt độ ngoài trời 35 °CDB / 24 °CWB
 - Sưởi: Nhiệt độ trong nhà 20°CDB / 15°CWB; Nhiệt độ ngoài trời 7°CDB / 6°CWB
- Công suất là giá trị thực
- Giá trị đo được trong buồng không phản xạ và đo tại điểm phía dưới cách tâm thiết bị 1.5 m tính từ đáy.
 Trong quá trình vận hành thực tế, các giá trị này thường cao hơn một chút do điều kiện môi trường xung quanh.
- Do chính sách đối môi của chúng tôi, một số thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không cần thông báo
- (*) Thông số CSPF đang tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 7830:2015 và 7830:2021